

Phụ lục 1

DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 438 /KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I	NÔNG NGHIỆP
1.	Chủ trang trại
2.	Khai thác gỗ rừng trồng
3.	Kỹ thuật chăn nuôi bò thâm canh
4.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gà, lợn
5.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gia cầm
6.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gia súc
7.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho lợn, bò, gà
8.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho trâu, bò
9.	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh dê, thỏ
10.	Kỹ thuật dịch vụ dẫn tinh viên
11.	Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp bảo vệ thực vật
12.	Kỹ thuật dịch vụ quản lý thủy nông, vận hành cấp nước sinh hoạt
13.	Kỹ thuật dịch vụ thú ý, thú y thủy sản
14.	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt
15.	Kỹ thuật nuôi cá nước lợ
16.	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, nước lợ
17.	Kỹ thuật nuôi ong lấy mật
18.	Kỹ thuật nuôi tôm, tôm sú nước lợ
19.	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản
20.	Kỹ thuật sản xuất giống cây trồng, vật nuôi
21.	Kỹ thuật thủy sản thâm canh
22.	Kỹ thuật trồng các loại hoa (ly, cúc, lay ơn, huệ...)
23.	Kỹ thuật trồng các loại nấm ăn..(nấm rơm...), nấm dược liệu
24.	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả (cam, quýt...)
25.	Kỹ thuật trồng cây nôm, kiêu, hành lá
26.	Kỹ thuật trồng chuối và cải tạo vườn tạp
27.	Kỹ thuật trồng cỏ và chế biến các loại thức ăn cho gia súc
28.	Kỹ thuật trồng sen
29.	Kỹ thuật trồng rau an toàn
30.	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Quế, cây Vầu
31.	Kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và cạo mủ cao su
32.	Kỹ thuật trồng và chăm sóc bưởi, thanh trà
33.	Kỹ thuật trồng và chế biến cây atisô

34.	Kỹ thuật sản xuất cây giống keo lai hom
35.	Kỹ thuật ươm ươm giống thương phẩm
36.	Kỹ thuật ươm giống keo lá tràm
37.	Máy trưởng
38.	Nhân giống cây ăn quả
39.	Nhân giống lúa
40.	Nuôi ba ba
41.	Nuôi cá lồng bè trên biển, sông suối, lòng hồ
42.	Nuôi cá rô đồng
43.	Nuôi cua biển
44.	Nuôi cua đồng
45.	Nuôi dê
46.	Nuôi ếch
47.	Nuôi lươn
48.	Nuôi thỏ
49.	Nuôi tôm hùm
50.	Nuôi tôm thẻ chân trắng
51.	Nuôi tôm trên cát
52.	Quản lý và khai thác công trình thủy lợi
53.	Quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật
54.	Sản xuất thức ăn hỗn hợp chăn nuôi
55.	Sản xuất, kinh doanh cây giống lâm nghiệp
56.	Sản xuất giống và trồng cây tràm gió và các loại cây dược liệu
57.	Sơ chế hấp sấy cá, mực
58.	Thuyền trưởng
59.	Thuyền viên
60.	Thuyền viên đánh bắt thủy sản
61.	Trồng cây thanh long ruột đỏ
62.	Trồng hồ tiêu
63.	Trồng hoa lan
64.	Trồng hoa Mokara
65.	Trồng keo, bồ đề, bạch đàn làm nguyên liệu giấy
66.	Trồng ngô
67.	Trồng nguyên liệu, chưng cất dầu tràm
68.	Trồng thâm canh rừng cây gỗ lớn
69.	Trồng tre lấy măng
70.	Trồng và chăm sóc bưởi, thanh trà
71.	Trồng và khai thác một số loài cây dưới tán rừng
72.	Trồng và sơ chế gừng, nghệ
73.	Sản xuất giống cây lâm nghiệp
74.	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp

75.	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây măng tây
76.	Kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa, cây cảnh; trồng hoa cây cảnh; trồng và chăm sóc cây cảnh
77.	Kỹ thuật trồng hoa cúc, hoa ly và hoa Tulip
II	PHI NÔNG NGHIỆP
1.	Biểu diễn ca Huế
2.	Bồi dưỡng kiến thức khởi nghiệp
3.	Cắt, gọt kim loại (tiện)
4.	Chạm khắc hoa văn phù điêu
5.	Cắt tóc – trang điểm nghệ thuật
6.	Chăm sóc da
7.	Chăm sóc sắc đẹp
8.	Cơ - Điện
9.	Cơ khí gò, hàn
10.	Công nghệ ô tô
11.	Dẫn chương trình
12.	Dàn dựng chương trình nghệ thuật quần chúng
13.	Đan đệm bànng mỹ nghệ
14.	Đan và gia công lưới cước
15.	Đan ghê sợi nhựa
16.	Đào tạo lái xe ô tô
17.	Đào tạo trọng tài điều hành thi đấu các môn thể thao
18.	Dệt Zèng (Dệt thổ cẩm)
19.	Điện công nghiệp
20.	Điện dân dụng
21.	Điện dân dụng và công nghiệp
22.	Điện nước xây dựng
23.	Điều khiển phương tiện thủy nội địa (lái phương tiện hạng nhất và hạng nhì)
24.	Gia công thiết kế sản phẩm mộc
25.	Gia công, chế tác nữ trang, mỹ nghệ
26.	Hàn công nghệ cao
27.	Hàn điện
28.	Hàn hồ quang tay
29.	Hướng dẫn viên thể dục thể thao tại cơ sở
30.	“Két-đi” trên sân golf
31.	Kế toán máy – Phần mềm kế toán
32.	Kế toán tổng hợp thực hành – Kê khai quyết toán thuế - Lập báo cáo tài chính
33.	Kỹ năng khởi nghiệp
34.	Kỹ thuật cắt may trang phục truyền thống dân tộc
35.	Kỹ thuật chế biến món ăn và vệ sinh ATTP
36.	Kỹ thuật cốt thép hàn
37.	Kỹ thuật điện lạnh
38.	Kỹ thuật điêu khắc gỗ
39.	Kỹ thuật hàn
40.	Kỹ thuật huấn luyện thể hình cá nhân
41.	Kỹ thuật làm chổi đót

42.	Kỹ thuật làm gốm sứ
43.	Kỹ thuật làm hương
44.	Kỹ thuật làm nón lá
45.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
46.	Kỹ thuật mây tre đan, dây điện
47.	Kỹ thuật pha chế đồ uống
48.	Kỹ thuật phục vụ bàn- bar
49.	Kỹ thuật sơ chế mủ cao su
50.	Kỹ thuật tạo dáng và chăm sóc cây cảnh
51.	Kỹ thuật xây dựng
52.	Lái phương tiện thủy đánh bắt xa bờ
53.	Lái xe nâng chuyên
54.	Lắp đặt điện cho các cơ sở sản xuất nhỏ
55.	Lắp đặt điện nội thất
56.	Ngoại ngữ giao tiếp
57.	Ngoại ngữ thực hành
58.	May công nghiệp
59.	May công nghiệp theo nhu cầu doanh nghiệp
60.	May dân dụng và công nghiệp
61.	May tấm thảm chà chân
62.	May trang phục truyền thống kimono
63.	Mộc công nghiệp
64.	Mộc dân dụng
65.	Mộc mỹ nghệ
66.	Nê hoàn hiện
67.	Nghệ thuật cắm hoa
68.	Nghệ thuật chăm sóc và trang trí móng (nails)
69.	Nghệ thuật trang điểm, chăm sóc da
70.	Nghiep vụ hành chính văn phòng – Văn thư lưu trữ
71.	Nghiep vụ hướng dẫn viên du lịch
72.	Nghiep vụ Lễ tân-Khách sạn
73.	Nghiep vụ lưu trú
74.	Nghiep vụ nhà hàng
75.	Du lịch cộng đồng
76.	Kỹ thuật làm bánh
77.	Kỹ thuật làm bánh và món ăn tráng miệng Huế
78.	Nguội căn bản
79.	Nhập môn kế toán
80.	Phun xăm thẩm mỹ
81.	Quản lý điện nông thôn
82.	Quản lý vận hành trạm bơm điện
83.	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ
84.	Quản trị nhân lực
85.	Quản trị khách sạn
86.	Quản trị khu resort
87.	Quản trị nhà hàng
88.	Sản xuất gốm thô(kỹ thuật làm gốm)

89.	Sản xuất hàng da, giày, túi xách
90.	Sửa chữa bảo trì xe máy
91.	Sửa chữa điện thoại di động
92.	Sửa chữa điện, điện lạnh ô tô
93.	Sửa chữa lắp đặt mạng cấp thoát nước gia đình
94.	Sửa chữa máy nổ công suất nhỏ
95.	Sửa chữa máy gặt đập liên hợp
96.	Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ
97.	Sửa chữa máy may công nghiệp
98.	Sửa chữa máy nổ
99.	Sửa chữa máy tính phần cứng
100.	Sửa chữa tivi, đầu VCD, DVD và đầu kỹ thuật số
101.	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ
102.	Sửa chữa, lắp ráp máy tính
103.	Tài chính doanh nghiệp
104.	Tạo mẫu tóc
105.	Thêu ren (Thêu thỏ cảm)
106.	Thương mại điện tử (Bán hàng online)
107.	Thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa
108.	Thợ sơn.....
109.	Sửa chữa động cơ, điện gầm ô tô
110.	Thủy thủ phương tiện thủy nội địa
111.	Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa (Giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng tư)
112.	Tin học ứng dụng
113.	Vận hành máy cầu
114.	Vận hành máy công trình
115.	Vận hành máy lu- đầm
116.	Vận hành máy mức
117.	Vận hành máy san ủi
118.	Vận hành máy thi công cơ giới
119.	Vận hành máy xúc, đào
120.	Vận hành xe nâng hạ
121.	Vật lý trị liệu
122.	Xây dựng cầu đường
123.	Xoa bóp, bấm huyệt
124.	Y tế thôn bản
125.	Lái tàu thuyền trên sông (Công suất nhỏ)
126.	Vận hành máy nông nghiệp
127.	Kỹ thuật dịch vụ thú y
128.	Biểu diễn nhạc khí phương Tây
129.	Biểu diễn Thanh nhạc
130.	Biểu diễn nhạc cụ dân tộc
131.	Kỹ năng chuyển đổi số
132.	Bán hàng online và kỹ năng giao dịch thương mại điện tử
133.	Văn thư – Lưu trữ
134.	Nghiep vụ tiếp thị trực tuyến
135.	Thiết kế đồ họa 2D

136.	Thiết kế, cắt may cơ bản và thời trang
137.	Ngoại ngữ giao tiếp – Tiếng Hàn
138.	Nhiếp ảnh
139.	Tranh dân gian
140.	Kỹ thuật làm cây bonsai từ dây đồng
141.	Kỹ thuật chăm sóc mẹ và bé sau sinh
142.	Người lái phươg tiện thủy nội địa
143.	Kỹ thuật làm bánh và món ăn tráng miệng Huế
144.	Hướng dẫn viên du lịch tại điểm
145.	Biểu diễn ca múa, hát truyền thống dân tộc thiểu số vùng cao thành phố Huế
146.	Máy Công nghiệp nâng cao
147.	Kỹ năng phỏng vấn và năng lực về thể lực

Phụ lục 2**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 438 /KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I	Trường Cao đẳng
1	Trường Cao đẳng Huế
2	Trường Cao đẳng Du lịch Huế
3	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế
4	Trường Cao đẳng Âu Lạc - Huế
II	Trường Trung cấp
1	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Huế
2	Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch Duy Tân
III	Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Tâm An
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo lái xe ô tô - mô tô Masco
IV	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Khu vực 1
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Khu vực 2
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Khu vực 3
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Khu vực 4
V	Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp
1	Học viện âm nhạc Huế
2	Phân hiệu Trường CD xây dựng công trình đô thị Huế
3	Phân hiệu Trường Trung cấp Công nghệ - Du lịch số 10
4	Trung tâm Dịch vụ việc làm (Sở Nội vụ)
5	Trung tâm Hỗ trợ nông dân thành phố
6	Trung tâm Khuyến nông (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
7	Trung tâm Dạy nghề và Tạo việc làm cho người khuyết tật
8	Trung tâm Dạy nghề và Tạo việc làm cho người mù (Hội người mù)
9	Trung tâm Dạy nghề và Tạo việc làm cho người khuyết tật và trẻ em khó khăn Hy Vọng
10	Phổ thông Cao đẳng FPT Polytechnic Huế
11	Trung tâm CNTT Huế (HueCIT)
12	Cơ sở dạy nghề Công ty Cổ phần Hồng Đức
VI	Các trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm, doanh nghiệp có đủ điều kiện đào tạo các ngành nghề liên quan